**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**Bài 24: LUYỆN TẬP (T 40 ) – Trang 52**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kĩ năng sử dụng các bảng chia đã học.

- Vận dụng giải quyết một số tình huống thực tế gắn với giải bài toán về phép chia

- Phát triển các năng lực toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, .....

- SGK và các thiết bị,...

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Ôn tập các Bảng chia đã học.  - Cách tiến hành: | | |
| - Trò chơi: ***"Gọi thuyền"***  - HD cách chơi và cho HS tham gia chơi  *+Trưởng trò hô: Gọi thuyền, gọi thuyền...*  *+ Cả lớp đáp: Thuyền ai, thuyền ai*  *+ Trưởng trò hô: Thuyền A (Tên HS)*  *+ HS hô: Thuyền A chở gì ?*  *+Trưởng trò : Chuyền A chở ...(nêu phép nhân hoặc chia cho 9)*  *+ HS A nêu kết quả*  VD: Nêu 1 số phép tính trong bảng chia 8 và 9.  24 : 8 = ? 40 : 8 = ? 72: 8 = ?; ......  54 : 9 = ?; 81 : 9 = ?; 63 : 9 = ?; ......  - Tổng kết TC – Kết nối bài học  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. | | - HS tham gia chơi:  - Lắng nghe  - Mở vở ghi bài  Luyện Tập |
| **2. Luyện tập – Thực hành***:*  **-** Mục tiêu: + Rèn cho học sinh kĩ năng nhẩm tính với các bảng chia đã học.  + HSvận dụng trong tính toán, giải toán.  - **-** Cách tiến hành: | | |
| **Bài 1. Số? (cá nhân – nhóm đôi – lớp)**  GV yêu cầu HS đọc, ghi phép tính rồi tính kết quả  vào vở, sau đó đổi vở cho bạn cùng bàn để kiểm tra và chữa bài.  Đại Diện HS trình bày bài trước lớp.  Lớp – Gv nhận xét.  ? Đây là các phép chia đã gặp ở đâu?  ?Vậy khi thực hiện mình cần làm gì?  ? Vậy trong các phép tính trên những phép chia nào có kết quả bằng 1?  ? Trong phép chia khi Số bị chia và Số chia bằng nhau thì Thương như thế nào?  **Bài 2: ( cá nhân – lớp) a) Tính nhẩm.**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  Gọi HS nhận xét  ? Trong phép chia Số nào chia cho 1 thì có kết quả như thế nào?  **b) Lấy ví dụ tương tự câu a rồi chia sẻ với bạn:**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  - Hs nêu các phép tính mình tìm được trước lớp.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3. (Cá nhân - nhóm đôi - lớp)**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài câu a) Đọc nội dung sau và thảo luận với bạn  + Số 0 chia cho số nào cũng bằng 0.VD, 0: 8 = 0; 0 : 3 = 0.  ? Em có nhận xét gì về phép tính trên ?  ? HS cho thêm VD:  + Không có phép chia cho 0. VD, 🗸0: 6= 0;  🗴 6 : 0 = ?.  ? Em có nhận xét gì về phép tính trên ?  ? HS cho thêm Vd:  \* Kết luận:  + Trong một phép chia, số chia luôn phải khác 0.  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu câu b)Tính nhẩm.  - HS vận dụng tính chất trên để thực hiện các phép tính nhẩm.  - Hs trình bày trước lớp. - Lớp – GV nhận xét.  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu câu c) Tìm các phép tính sai rồi sửa lại cho đúng:  - HS vận dụng tính chất trên để thực hiện các phép tính nhẩm và phát hiện phép tính sai và sửa lại cho đúng.  - Hs trình bày trước lớp. - Lớp – GV nhận xét. | | - HS quan sát và trả lời câu hỏi.  3 : 3 = 1; 12 : 3 = 4; 72 : 9 = 8.  8 : 4 = 2; 5 : 5 = 1; 48 : 6 = 8.  14 : 7 = 2; 7 : 7 = 1; 8 : 8 = 1.  - Trong các bảng chia đã học.  - Vận dụng các bảng chia đã học để thực hiện.  3: 3= 1; 5: 5= 1; 7: 7= 1; 8: 8= 1  - Có thương bằng 1  - HS quan sát và trả lời câu hỏi.  4: 1 = 4; 7: 1 = 7.  5: 1 = 5; 1: 1 = 1.  \* Số nào chia cho 1 cũng có kết quả bằng chính số đó.  VD:  3: 1 = 3; 6: 1 = 6; 2 : 1 = 2.  8: 1 = 8; 9: 1 = 9; 7 : 1 = 7.  1: 1 = 1; 4: 1 = 4; 5 : 1 = 5.  - HS đọc yêu cầu bài 3a.  - HS trao đổi:  + Số 0 chia cho số nào khác 0 cũng bằng 0  VD,0: 1 = 0; 0 : 9 = 0; 0 : 10= 0.  + Không có phép chia cho số 0.  VD, 🗴 1: 0 = 0; 🗴 9 : 0 = 0;  0: 7 = 0; 0 : 5 = 0; 0: 10 = 0.  0 : 9 = 0; 0: 4 = 0; 0 : 1 = 0.    8 : 8 = 1; 🗸 0 x 2 = 0. 🗸  8 : 1 = 8; 🗸 2 : 0 = 0.🗴  3 x 0 = 0; 🗸 3 : 0 = 0.🗴  \* 2 : 0 = 0.🗴 Sửa lại: 0 : 2 = 0.  3 : 0 = 0.🗴 Sửa lại: 0 : 3 = 0. |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - HS Quan sát tranh, nêu lên tình huống và đưa ra phép chia  C:\Users\THANHCONG\Pictures\Screenshots\Ảnh chụp màn hình (228).png  Qua bài em biết thêm được điều gì?  - Về nhà ôn lại bảng chia 8 và 9. Thực hiện các phép tính chia có số chia là 8 và 9. | -Trên tường đang phơi 6 túm ngô, mỗi túm ngô có 8 bắp ngô. Hỏi có tất cả bao nhiêu bắp ngô ?  Trên sân có 12 quả bí ngô, xếp đều vào 6 rổ. Hỏi mỗi rổ có mấy quả bí ngô?  - Vận dụng các bảng chia và tính chất của số 1 và số 0 trong phép chia để làm tính chia  - Suy nghĩ và giải bài tập sau: *An năm nay 8 tuổi. Tuổi của bà An gấp 9 lần tuổi của An. Hỏi năm nay bà An bao nhiêu tuổi?* | |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |